

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG SÔNG ĐÀ**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**

**Hà Nội - Tháng 03 năm 2013**

**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất	4 - 5
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	6
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	7
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	8 - 31

# **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG SÔNG ĐÀ**

---

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng Sông Đà trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng Sông Đà (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá Trạm Bê tông thương phẩm thuộc Công ty Sông Đà 9 theo Quyết định số 1302/QĐ-BXD ngày 18 tháng 10 năm 2002 và Quyết định số 1653/QĐ-BXD ngày 09 tháng 12 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc chuyển Trạm Bê tông thương phẩm thuộc Công ty Sông Đà 9 - Doanh nghiệp Nhà nước thuộc Tổng Công ty Sông Đà thành Công ty Cổ phần.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0101334087 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 17 tháng 01 năm 2003, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 05 tháng 7 năm 2010.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: SONG DA INFRASTRUCTURE CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là: SICO.,JSC.

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Mã cổ phiếu: SDH

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng trệt - Tòa nhà SICO, thôn Phú Mỹ, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

<b>Hội đồng Quản trị</b>	Ông Vũ Văn Bảy	Chủ tịch
	Ông Nguyễn Văn Phúc	Thành viên
	Ông Lưu Tuấn Hùng	Thành viên
	Ông Trần Đại Tùng	Thành viên
	Ông Đặng Văn Thắng	Thành viên

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này:

<b>Ban Giám đốc</b>	Ông Vũ Văn Bảy	Tổng Giám đốc
	Ông Lưu Tuấn Hùng	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Ngọc Lộc	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Vũ Ngọc Long	Phó Tổng Giám đốc

### **CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens

# CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG SÔNG ĐÀ

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

### CÁC CÔNG TY CON ĐƯỢC HỢP NHẤT

Các Công ty con được hợp nhất trong năm và tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

STT	Tên công ty con	Địa chỉ đăng ký	Vốn điều lệ (tr đồng)	Tỷ lệ kiểm soát	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Đầu tư SICO	Xã Yên Sơn, huyện Quốc Oai, Tp. Hà Nội	30.000	51%	Xây dựng hạ tầng, sản xuất bê tông thương phẩm
2	Công ty Cổ phần SICO Yên Hòa	Tòa nhà SICO, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm, Tp. Hà Nội	6.000	70%	Xây dựng hạ tầng, sản xuất bê tông thương phẩm
3	Công ty TNHH SICO Đồng Bằng	Tòa nhà SICO, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm, Tp. Hà Nội	15.000	53%	Xây dựng hạ tầng, sản xuất, thương mại
4	Công ty Cổ phần Sông Đà Đồng Nai	Phường Thanh Bình, thành Phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	12.000	55%	Thương mại và dịch vụ
5	Công ty TNHH Dịch vụ Đồng Khởi	Phường Thanh Bình, thành Phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	12.000	55%	Thương mại và dịch vụ

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính hợp nhất để Báo cáo tài chính hợp nhất không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc

\_\_\_\_\_  
**Vũ Văn Bảy**

**Tổng Giám đốc**

*Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2013*

Số: 269/2013/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2012 của Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng Sông Đà

Kính gửi: **Các cổ đông**  
**Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng Sông Đà**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất gồm: Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 29/03/2013 của Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng Sông Đà (gọi tắt là “Công ty”) trình bày từ trang 04 đến trang 31 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

### **Cơ sở ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

---

**Nguyễn Quế Dương**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1382/KTV  
Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM - CPA VIETNAM**

**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens**

*Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2013*

---

**Đình Văn Thắng**  
**Kiểm toán viên**  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1147/KTV

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2012	01/01/2012
			VND	VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>395.176.194.634</b>	<b>430.129.433.216</b>
<b>I- Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>5.986.462.799</b>	<b>12.479.335.999</b>
1. Tiền	111		5.986.462.799	12.479.335.999
<b>II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>2.885.369.247</b>	<b>2.975.355.397</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121	5.2	2.975.355.397	2.975.355.397
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(89.986.150)	-
<b>III- Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>196.643.092.175</b>	<b>259.801.924.728</b>
1. Phải thu khách hàng	131		129.793.316.947	117.971.071.059
2. Trả trước cho người bán	132		11.936.983.835	29.999.068.526
5. Các khoản phải thu khác	135	5.3	109.769.428.007	113.669.879.074
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(54.856.636.614)	(1.838.093.931)
<b>IV- Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>147.692.508.774</b>	<b>115.558.123.138</b>
1. Hàng tồn kho	141	5.4	147.692.508.774	115.558.123.138
<b>V- Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>41.968.761.639</b>	<b>39.314.693.954</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.967.076.822	1.393.729.239
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		9.586.064.841	6.714.130.487
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	373.243.719
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.5	30.415.619.976	30.833.590.509
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 210+220+240+250+260+269)	<b>200</b>		<b>164.116.103.581</b>	<b>180.891.284.173</b>
<b>I Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>86.000.000</b>	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		86.000.000	-
<b>II- Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>96.525.785.771</b>	<b>155.316.568.307</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	63.997.840.364	81.925.589.086
- Nguyên giá	222		101.681.179.122	119.779.090.206
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(37.683.338.758)	(37.853.501.120)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	5.7	6.110.510.655	-
- Nguyên giá	225		6.654.068.182	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(543.557.527)	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	38.100.000.000
- Nguyên giá	228		-	38.100.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.9	26.417.434.752	35.290.979.221
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	<b>5.8</b>	<b>42.108.210.211</b>	-
1. Nguyên giá	241		43.378.454.000	-
2. Giá trị hao mòn lũy kế	242		(1.270.243.789)	-
<b>IV- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>10.190.385.561</b>	<b>4.289.625.000</b>
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	5.10	400.000.000	400.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	5.10	9.929.625.000	3.889.625.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(139.239.439)	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>3.427.729.358</b>	<b>7.936.699.162</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.11	2.504.755.224	7.013.725.028
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		922.974.134	922.974.134
<b>VI. Lợi thế thương mại</b>	<b>269</b>	<b>5.12</b>	<b>11.777.992.680</b>	<b>13.348.391.704</b>
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100+200)	<b>270</b>		<b>559.292.298.215</b>	<b>611.020.717.389</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2012	01/01/2012
			VND	VND
<b>A- NỢ PHẢI TRẢ</b> (300 = 310+330)	<b>300</b>		<b>371.848.288.331</b>	<b>350.869.928.627</b>
<b>I- Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>353.990.100.430</b>	<b>326.223.900.052</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.13	122.101.605.311	161.915.651.116
2. Phải trả người bán	312		98.267.191.192	68.771.290.681
3. Người mua trả tiền trước	313		22.093.912.792	10.892.837.075
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.14	36.040.505.341	28.263.025.206
5. Phải trả người lao động	315		6.428.500.437	1.890.146.268
6. Chi phí phải trả	316	5.15	12.035.357.425	6.162.055.268
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.16	51.746.037.811	43.199.661.254
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		5.276.990.121	5.129.233.184
<b>II- Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>17.858.187.901</b>	<b>24.646.028.575</b>
3. Phải trả dài hạn khác	333	5.17	1.451.023.906	1.451.023.906
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.18	13.258.982.173	16.839.370.159
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	144.675.874
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		3.148.181.822	6.210.958.636
<b>B- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b> (400 = 410+430)	<b>400</b>		<b>146.045.555.851</b>	<b>215.732.646.876</b>
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.19</b>	<b>146.045.555.851</b>	<b>215.732.646.876</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		209.500.000.000	209.500.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		818.833.250	818.833.250
4. Cổ phiếu quỹ	414		(7.525.875.398)	(7.525.875.398)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		12.432.259.955	12.358.184.631
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		5.301.887.481	5.255.590.437
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(74.481.549.437)	(4.674.086.044)
<b>C - LỢI ÍCH CỘNG THIỆU SỐ</b>	<b>439</b>		<b>41.398.454.033</b>	<b>44.418.141.886</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440 = 300+400 + 439)	<b>440</b>		<b>559.292.298.215</b>	<b>611.020.717.389</b>

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2013  
 Tổng Giám đốc

Người lập

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Lan Hương

Chu Thị Ánh

Vũ Văn Bảy

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2012	Năm 2011
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.20	309.039.398.449	452.026.814.217
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.20	2.360.000	6.698.579.583
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.20	309.037.038.449	445.328.234.634
4. Giá vốn hàng bán	11	5.21	290.628.153.242	391.695.339.093
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)</b>	<b>20</b>		<b>18.408.885.207</b>	<b>53.632.895.541</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.22	4.911.331.565	2.837.627.453
7. Chi phí tài chính	22	5.23	26.882.761.422	25.560.551.549
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		23	<i>26.653.535.833</i>	<i>25.512.006.291</i>
8. Chi phí bán hàng	24		1.475.956.785	4.023.799.346
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		73.492.864.542	24.710.569.740
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}</b>	<b>30</b>		<b>(78.531.365.977)</b>	<b>2.175.602.359</b>
11. Thu nhập khác	31	5.24	30.760.004.650	3.507.917.171
12. Chi phí khác	32	5.24	20.034.323.152	6.085.473.373
<b>13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)</b>	<b>40</b>	<b>5.24</b>	<b>10.725.681.498</b>	<b>(2.577.556.202)</b>
<b>14. Phần lãi (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh</b>	<b>50</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)</b>	<b>60</b>		<b>(67.805.684.479)</b>	<b>(401.953.843)</b>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	61	5.25	2.921.814.539	666.414.367
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	62		-	-
<b>18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số</b>	<b>63</b>		<b>(2.308.773.645)</b>	<b>151.219.289</b>
<b>19. Lợi nhuận sau thuế cổ đông Công ty Mẹ</b>	<b>70</b>		<b>(68.418.725.372)</b>	<b>(1.219.587.499)</b>
<b>20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu của cổ đông Công ty mẹ</b>	<b>80</b>	<b>5.26</b>	<b>(3.331)</b>	<b>(60)</b>

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2013

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Lan Hương

Chu Thị Ánh

Vũ Văn Bẩy



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
*(theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2012	Năm 2011
		VND	VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>(67.805.684.479)</b>	<b>(401.953.843)</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
- Khấu hao tài sản cố định	02	10.783.786.335	12.907.166.635
- Các khoản dự phòng	03	53.103.092.398	130.623.229
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(17.595.819.422)	(2.317.256.128)
- Chi phí lãi vay	06	26.653.535.833	25.512.006.291
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>5.138.910.665</b>	<b>35.830.586.184</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	7.600.326.049	(26.400.224.660)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(32.134.385.636)	(47.598.237.912)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	64.517.469.369	11.465.826.502
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	3.935.622.221	2.696.024.775
- Tiền lãi vay đã trả	13	(21.023.899.845)	(23.856.996.593)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(877.588.497)	(902.068.705)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(2.641.722.462)	(882.652.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>24.514.731.864</b>	<b>(49.647.742.409)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(9.360.895.269)	(31.665.988.964)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	24.327.272.725	2.381.460.367
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	25.044.224.420
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(6.040.000.000)	(2.449.625.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	4.310.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.351.522.938	524.179.768
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>12.277.900.394</b>	<b>(6.531.568.757)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	(15.925.733.885)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	163.091.934.107	87.832.256.148
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(205.354.759.565)	(4.768.894.300)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(1.020.880.000)	(1.760.720.824)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(160.000)
7. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho CĐTS	37	(1.800.000)	(184.550.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(43.285.505.458)</b>	<b>65.192.197.139</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>(6.492.873.200)</b>	<b>9.012.885.973</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>12.479.335.999</b>	<b>3.466.450.026</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>5.986.462.799</b>	<b>12.479.335.999</b>

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2013

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Lan Hương

Chu Thị Ánh

Vũ Văn Bảy

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng Sông Đà được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá Trạm Bê tông thương phẩm thuộc Công ty Sông Đà 9 theo Quyết định số 1302/QĐ-BXD ngày 18 tháng 10 năm 2002 và Quyết định số 1653/QĐ-BXD ngày 09 tháng 12 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc chuyển Trạm Bê tông thương phẩm thuộc Công ty Sông Đà 9 - Doanh nghiệp Nhà nước thuộc Tổng Công ty Sông Đà thành Công ty Cổ phần.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0101334087 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 17 tháng 01 năm 2003, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 05 tháng 7 năm 2010.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: SONG DA INFRASTRUCTURE CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là: SICO.,JSC.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 12 là 209.500.000.000 đồng.

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Mã cổ phiếu: SDH

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng trệt - Tòa nhà SICO, thôn Phú Mỹ, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

- Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng, bê tông thương phẩm;
- Sản xuất, lắp đặt các cấu kiện bê tông, kết cấu thép;
- Nhận thầu xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, buru điện, các công trình thủy lợi, giao thông, đường bộ các cấp, sân bay, bến cảng, cầu cống, các công trình kỹ thuật hạ tầng, đô thị và các khu công nghiệp, các công trình đường dây trạm biến thế 110KV, thi công san lấp nền móng, xử lý nền đất yếu, các công trình cấp thoát nước, lắp đặt các đường ống công nghệ và áp lực, điện lạnh, trang trí nội thất, gia công lắp đặt khung nhôm kính các loại;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu nguyên, nhiên vật liệu, vật tư thiết bị, phụ tùng máy xây dựng;
- Sản xuất kinh doanh que hàn;
- Kinh doanh phát triển nhà, khu đô thị và khu công nghiệp;
- Sản xuất kinh doanh điện;
- Tư vấn giám sát xây dựng (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Trang trí ngoại thất công trình;
- Cho thuê văn phòng, nhà ở, kho bãi, nhà xưởng, bãi đỗ xe;
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống giải khát, dịch vụ vui chơi giải trí (không bao gồm kinh doanh phòng hát Karaoke, vũ trường, quán bar);
- Sản xuất, mua bán xi măng;
- Kinh doanh, khai thác, chế biến các loại khoáng sản (trừ khoáng sản Nhà nước cấm);
- Đại lý kinh doanh xăng dầu, mỡ nhờn, khí đốt;
- Nhận ủy thác đầu tư cho các tổ chức trong và ngoài nước.
- Đào tạo, dạy nghề công nhân kỹ thuật chuyên ngành xây dựng và công nghiệp thông tin (Chỉ được hoạt động sau khi được cơ quan có thẩm quyền cho phép);
- Dịch vụ vận tải hàng hóa bằng ô tô theo hợp đồng;
- Thiết kế kết cấu đối với công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- Kinh doanh bất động sản;
- Đầu tư xây dựng công viên;
- Quản lý, điều hành công viên, khu vui chơi, giải trí công cộng;
- Kinh doanh XNK thiết bị, máy móc, nguyên vật liệu, sản xuất bao bì và in ấn bao bì;
- Sản xuất, kinh doanh thiết bị trong lĩnh vực trường học, giáo dục, y tế, thiết bị nghiên cứu khoa học và thí nghiệm;
- Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm cơ khí phục vụ trong ngành xây dựng, giáo dục và y tế.

Hoạt động chính của Công ty trong năm: xây lắp hạ tầng, sản xuất bê tông thương phẩm, cho thuê máy móc thiết bị.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỶ KẾ TOÁN**

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Doanh nghiệp đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc soạn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

**Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất các Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi nhuận từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày việc thu mua có hiệu lực hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính hợp nhất của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính hợp nhất.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

**Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại trên Báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của Công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính****Ghi nhận ban đầu***Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, các khoản cho vay và công cụ tài chính chưa niêm yết.

*Công nợ tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản nợ và các khoản vay.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

**Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

**Loại tài sản****Thời gian khấu hao (năm)**

Nhà cửa, vật kiến trúc	07 - 28
Máy móc, thiết bị	04 - 08
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05
Tài sản cố định hữu hình khác	04

**Tài sản cố định thuê tài chính**

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ phi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Tài sản cố định thuê tài chính (Tiếp theo)**

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể như sau:

**Số năm**

Máy móc, thiết bị	07
Phương tiện vận tải	06 - 08

**Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất và chi phí san lấp mặt bằng do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 45 năm.

**Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Các khoản trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước bao gồm chi phí dàn giáo cốppha và giá trị công cụ dụng cụ chờ phân bổ. Trong đó, chi phí công cụ và dụng cụ được phân ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng và phân bổ không quá 24 tháng; chi phí dàn giáo cốppha được phân bổ trong thời gian 36 tháng.

**Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**Hợp đồng xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian trong dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT****5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	5.301.705.447	11.424.534.880
Tiền gửi ngân hàng	684.757.352	1.054.801.119
<b>Tổng</b>	<b>5.986.462.799</b>	<b>12.479.335.999</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG SÔNG ĐÀ**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09- DN/HN

**5.2 Đầu tư ngắn hạn**

	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền gửi có kỳ hạn	2.975.355.397	2.975.355.397
<b>Tổng</b>	<b>2.975.355.397</b>	<b>2.975.355.397</b>

**5.3 Các khoản phải thu khác**

	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Cổ phần Sico Yên Sơn	4.745.686.715	4.548.044.819
Chi nhánh Công ty TNHH XD&CN Delta	173.683.826	173.683.826
Ban điều hành Dự án Xi măng Hạ Long	1.706.576.235	1.706.576.235
HTX DVNN KD tổng hợp Hợp Nhất	1.200.000.000	1.200.000.000
Chênh lệch giá Xi măng Sotraco	875.747.628	875.747.628
Tiền giảm trừ doanh thu nhà HH Mỹ Đình	439.505.981	439.505.981
Đỗ Văn Tám	-	266.764.227
Tiền đền bù GPMB - DA Yên Phong II	15.510.433.890	-
Chênh lệch thép giá VIS	177.423.592	177.423.592
Công ty Liên doanh Sico Delta Đồng Bằng	-	139.401.500
Ban Quản lý Dự án Yên Phong II	9.813.700.166	9.374.839.565
Công ty Cổ phần Sông Đà 27 (Liên doanh)	1.500.000.000	1.500.000.000
Đội 6.3 - Xí nghiệp 6	2.500.000.000	2.500.000.000
Công ty TNHH TM DV Toàn Thành Phát	33.200.000.000	34.200.000.000
Tiền bán Cổ phần phải thu tại Công ty CP Sico Yên Sơn	8.400.000.000	14.452.000.000
Cá nhân vay vốn	10.848.089.539	22.378.988.539
Các khoản phải thu khác	18.678.580.435	19.736.903.162
<b>Tổng</b>	<b>109.769.428.007</b>	<b>113.669.879.074</b>

**5.4 Hàng tồn kho**

	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Hàng mua đang đi trên đường	-	1.175.424.000
Nguyên liệu, vật liệu	19.181.087.168	3.412.011.890
Công cụ, dụng cụ	193.833.664	152.117.300
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	127.530.354.209	107.743.249.800
Thành phẩm	20.507.962	20.507.962
Hàng hoá	766.725.771	3.054.812.186
<b>Tổng</b>	<b>147.692.508.774</b>	<b>115.558.123.138</b>

**5.5 Tài sản ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tạm ứng	30.358.827.781	30.833.590.509
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	56.792.195	-
<b>Tổng</b>	<b>30.415.619.976</b>	<b>30.833.590.509</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG SÔNG ĐÀ**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09- DN/HN

**5.6 Tài sản cố định hữu hình**

*Đơn vị tính: VND*

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
<b>Số dư tại 01/01/2012</b>	<b>9.751.196.312</b>	<b>93.141.751.505</b>	<b>10.686.785.473</b>	<b>4.012.223.294</b>	<b>2.187.133.622</b>	<b>119.779.090.206</b>
<b>Tăng trong năm</b>	-	<b>4.441.403.055</b>	<b>7.579.261.914</b>	<b>18.172.727</b>	-	<b>12.038.837.696</b>
Mua trong năm	-	1.888.654.360	800.000.000	18.172.727	-	2.706.827.087
Điều chuyển, phân loại lại	-	2.552.748.695	6.779.261.914	-	-	9.332.010.609
<b>Giảm trong năm</b>	<b>3.064.251.409</b>	<b>14.970.789.258</b>	<b>9.531.816.560</b>	<b>2.552.748.695</b>	<b>17.142.858</b>	<b>30.136.748.780</b>
Thanh lý, nhượng bán	1.066.577.886	8.012.129.822	9.531.816.560	-	-	18.610.524.268
Điều chuyển, phân loại lại	-	6.762.119.056	-	2.552.748.695	17.142.858	9.332.010.609
Góp vốn	869.219.523	196.540.380	-	-	-	1.065.759.903
Chuyển BĐS ĐT	1.128.454.000	-	-	-	-	1.128.454.000
<b>Số dư tại 31/12/2012</b>	<b>6.686.944.903</b>	<b>82.612.365.302</b>	<b>8.734.230.827</b>	<b>1.477.647.326</b>	<b>2.169.990.764</b>	<b>101.681.179.122</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
<b>Số dư tại 01/01/2012</b>	<b>4.131.533.605</b>	<b>26.361.888.797</b>	<b>4.014.995.780</b>	<b>2.295.240.555</b>	<b>1.049.842.383</b>	<b>37.853.501.120</b>
<b>Tăng trong năm</b>	<b>429.442.742</b>	<b>9.609.258.993</b>	<b>1.226.981.120</b>	<b>154.640.970</b>	<b>345.033.765</b>	<b>11.765.357.590</b>
Khấu hao trong năm	429.442.742	8.314.868.700	914.898.237	154.640.970	345.033.765	10.158.884.414
Điều chuyển, phân loại lại	-	1.294.390.293	312.082.883	-	-	1.606.473.176
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
<b>Giảm trong năm</b>	<b>2.525.238.301</b>	<b>5.129.890.175</b>	<b>2.968.858.325</b>	<b>1.294.390.293</b>	<b>17.142.858</b>	<b>11.935.519.952</b>
Thanh lý, nhượng bán	1.066.577.886	4.299.885.755	2.968.858.325	-	-	8.335.321.966
Điều chuyển, phân loại lại	-	294.940.025	-	1.294.390.293	17.142.858	1.606.473.176
Góp vốn	437.261.022	535.064.395	-	-	-	972.325.417
Chuyển BĐS ĐT	1.021.399.393	-	-	-	-	1.021.399.393
<b>Số dư tại 31/12/2012</b>	<b>2.035.738.046</b>	<b>30.841.257.615</b>	<b>2.273.118.575</b>	<b>1.155.491.232</b>	<b>1.377.733.290</b>	<b>37.683.338.758</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
<b>Tại 01/01/2012</b>	<b>5.619.662.707</b>	<b>66.779.862.708</b>	<b>6.671.789.693</b>	<b>1.716.982.739</b>	<b>1.137.291.239</b>	<b>81.925.589.086</b>
<b>Tại 31/12/2012</b>	<b>4.651.206.857</b>	<b>51.771.107.687</b>	<b>6.461.112.252</b>	<b>322.156.094</b>	<b>792.257.474</b>	<b>63.997.840.364</b>

**Trong đó:**

Giá trị còn lại của Tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 56.366.589.116 đồng.

Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 7.120.493.028 đồng.

**5.7 Tài sản cố định thuê tài chính**

*Đơn vị tính: VND*

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số dư tại 01/01/2012	-	-	-
Tăng trong năm	5.529.090.909	1.124.977.273	6.654.068.182
Mua trong năm	5.529.090.909	1.124.977.273	6.654.068.182
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2012	<u>5.529.090.909</u>	<u>1.124.977.273</u>	<u>6.654.068.182</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Số dư tại 01/01/2012	-	-	-
Tăng trong năm	438.090.910	105.466.617	543.557.527
Khấu hao trong năm	438.090.910	105.466.617	543.557.527
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2012	<u>438.090.910</u>	<u>105.466.617</u>	<u>543.557.527</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại 01/01/2012	-	-	-
Tại 31/12/2012	<u>5.090.999.999</u>	<u>1.019.510.656</u>	<u>6.110.510.655</u>

**5.8 Bất động sản đầu tư**

*Đơn vị tính: VND*

	Quyền sử dụng đất	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Số dư tại 01/01/2012	-	-
Tăng trong năm	43.378.454.000	43.378.454.000
Chuyển từ TSCĐ VH	42.250.000.000	42.250.000.000
Chuyển từ TSCĐ HH	1.128.454.000	1.128.454.000
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại 31/12/2012	<u>43.378.454.000</u>	<u>43.378.454.000</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Số dư tại 01/01/2012	-	-
Tăng trong năm	1.270.243.789	1.270.243.789
Khấu hao trong năm	81.344.394	81.344.394
Chuyển từ TSCĐ VH	167.500.002	167.500.002
Chuyển từ TSCĐ HH	1.021.399.393	1.021.399.393
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại 31/12/2012	<u>1.270.243.789</u>	<u>1.270.243.789</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại 01/01/2012	-	-
Tại 31/12/2012	<u>42.108.210.211</u>	<u>42.108.210.211</u>

Trong đó:

Tài sản Bất động sản đầu tư chuyển sang từ tài sản vô hình Lô đất Bình Đa với nguyên giá là: 10.050.000.000 đồng được hình thành từ vốn vay đem thế chấp ngân hàng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG SÔNG ĐÀ**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN/HN

**5.9 Xây dựng cơ bản dở dang**

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Tại ngày 01 tháng 01	35.290.979.221	13.769.501.383
Tăng	5.420.130.610	21.790.187.461
Giảm trong năm		
- Chuyển từ mua thẳng sang thuê mua TC	2.247.949.090	-
- Kết chuyển tài sản	10.428.024.009	197.691.406
- Giảm khác	1.617.701.980	71.018.217
<b>Tại ngày 31 tháng 12</b>	<b>26.417.434.752</b>	<b>35.290.979.221</b>

**Chi tiết công trình**

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Mua sắm tài sản cố định	50.000.000	2.297.949.090
Dự án KCN Yên Phong II - Bắc Ninh	23.040.090.506	18.242.113.970
Chế tạo Silo Bentonita	-	603.431.457
Trung tâm TMDV, nhà ở Đồng Khởi	-	11.154.690.673
Sửa chữa lớn TSCĐ	555.806.000	555.806.000
Nhà sản xuất thuốc hàn	76.727.600	76.727.600
Dự án KCN Kim Bảng - Hà Nam	424.077.546	424.077.546
Dự án KCN Quốc Tuấn - Hải Dương	682.480.908	682.480.908
Máy tách cát 250m3	-	329.229.558
Xây trạm bê tông A5 NTY	1.043.930.407	-
Các công trình khác	544.321.785	924.472.419
<b>Tổng</b>	<b>26.417.434.752</b>	<b>35.290.979.221</b>

**5.10 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

	31/12/2012		01/01/2012	
	Số lượng CP	Giá trị VND	Số lượng CP	Giá trị VND
<b>Đầu tư vào Công ty Liên doanh</b>		<b>400.000.000</b>	-	<b>400.000.000</b>
BQL Dự án Yên Hòa	-	400.000.000	-	400.000.000
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>		<b>9.929.625.000</b>		<b>3.889.625.000</b>
Công ty Cổ phần ĐT SICO Thảo Điền	224.963	2.249.625.000	224.963	2.249.625.000
Công ty Cổ phần TM Nam Sài Gòn	1.500	1.540.000.000	1.500	1.540.000.000
BQL DA số 5 Lạc Long Quân	-	140.000.000	-	100.000.000
Công ty TNHH Xăng dầu Sông Đà Đồng Nai	-	6.000.000.000	-	-

**5.11 Chi phí trả trước dài hạn**

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Tại ngày 01 tháng 01	7.013.725.028	10.545.962.698
Tăng trong năm	2.651.944.321	5.356.768.169
Phân bổ vào chi phí trong năm	(7.160.914.125)	(8.889.005.839)
<b>Tại ngày 31 tháng 12</b>	<b>2.504.755.224</b>	<b>7.013.725.028</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG SÔNG ĐÀ**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN/HN

**5.11 Chi phí trả trước dài hạn (Tiếp theo)****Chi tiết chi phí**

	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Dàn giáo, cốppha, dụng cụ thi công	2.504.755.224	7.013.725.028
<b>Tổng</b>	<b>2.504.755.224</b>	<b>7.013.725.028</b>

**5.12 Lợi thế thương mại**

	<b>Năm 2012</b>	<b>Năm 2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tại ngày 01 tháng 01	13.348.391.704	14.918.790.728
Phân bổ vào chi phí trong năm	(1.570.399.024)	(1.570.399.024)
<b>Tại ngày 31 tháng 12</b>	<b>11.777.992.680</b>	<b>13.348.391.704</b>

**5.13 Vay và nợ ngắn hạn**

	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Ngân hàng ĐT & PT Việt Nam	25.957.095.849	27.930.888.616
Ngân hàng TMCP Công thương VN	43.047.842.181	46.386.637.809
Ngân hàng TMCP Quốc tế VN	18.760.625.134	37.999.449.558
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	5.999.000.000	5.999.076.800
Vay cá nhân	28.337.042.147	43.013.998.333
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	585.600.000
<b>Tổng</b>	<b>122.101.605.311</b>	<b>161.915.651.116</b>

**Trong đó:**

Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội theo Hợp đồng số 01/2012/HĐ ngày 28/06/2012, hạn mức 30 tỷ đồng, lãi suất vay cụ thể theo từng khế ước. Mục đích sử dụng tiền vay: bổ sung vốn kinh doanh. Tài sản đảm bảo là Máy móc thiết bị, xe cơ giới, xe ô tô và tài sản của bên thứ 3.

Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương VN - Chi nhánh Thanh Xuân theo các hợp đồng vay từng lần, lãi suất vay cụ thể theo từng khế ước, thời hạn vay dưới một năm. Mục đích sử dụng tiền vay: bổ sung vốn kinh doanh. Tài sản đảm bảo là tài sản của Công ty.

Vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB) - Chi nhánh Đồng Nai theo hợp đồng tín dụng số 0004/HĐTD2-VIB90/12 ngày 06/02/2012. Chi tiết như sau: Hạn mức tín dụng: 8.000.000.000 đồng bao gồm dư nợ hiện tại của HĐTD 0068/HDDTD2-VIB90/2010 ngày 29/12/2010. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động kinh doanh xăng dầu, vật liệu xây dựng. Thời hạn vay: 12 tháng, mỗi khế ước 3 tháng. Lãi suất vay: Tùy thuộc từng khế ước nhận nợ. Tài sản đảm bảo: Giấy chứng nhận QSDĐ số R 950018 tại phường Thanh Bình, TP.Biên Hòa, T.Đồng Nai và Giấy chứng nhận QSDĐ số R 950019 tại phường Thống Nhất, TP.Biên Hòa, T.Đồng Nai với tổng nguyên giá tại ngày 31/12/2012 là 6.001.032.060 đồng.

Vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội theo hợp đồng tín dụng số 090-0486 2011/HĐHM - PN/SHBDNAI ngày 14/7/2011. Chi tiết như sau: Hạn mức tín dụng: 6.000.000.000 đồng. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động kinh doanh xăng dầu. Thời hạn vay: 12 tháng kể từ ngày 14/07/2011 đến 14/07/2012. Lãi suất vay: Tùy thuộc từng khế ước nhận nợ. Tài sản đảm bảo: Quyền sử dụng đất tại xã Lạc An, Huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương (do người nhà của Ông Nguyễn Vinh Sơn, Giám đốc Công ty, cho mượn để thế chấp) và quyền sử dụng đất của Công ty tại Phường An Bình TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai với nguyên giá tại ngày 31/12/2012 là 10.050.000.000 đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN/HN

**5.14 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế giá trị gia tăng	17.254.111.596	11.887.402.295
Thuế thu nhập doanh nghiệp	16.967.958.828	14.923.732.786
Thuế thu nhập cá nhân	1.392.079.874	1.276.990.103
Thuế tài nguyên	59.109.662	59.109.662
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	223.568.482	-
Các loại thuế khác	132.085.373	104.198.834
Các khoản phải nộp khác	11.591.526	11.591.526
<b>Tổng</b>	<b>36.040.505.341</b>	<b>28.263.025.206</b>

**5.15 Chi phí phải trả**

	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trích trước chi phí các công trình	6.405.721.437	6.162.055.268
Lãi vay Ngân hàng TMCP Quốc tế	5.629.635.988	-
<b>Tổng</b>	<b>12.035.357.425</b>	<b>6.162.055.268</b>

**5.16 Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Kinh phí công đoàn	733.706.307	487.216.240
Bảo hiểm xã hội	2.668.070.297	1.759.453.619
Bảo hiểm y tế	335.928.378	382.414.212
Bảo hiểm thất nghiệp	149.375.424	169.959.666
Các khoản phải trả, phải nộp khác	47.858.957.405	40.400.617.517
<i>Cổ tức phải trả năm 2010</i>	<i>26.893.604.298</i>	<i>26.893.604.298</i>
<i>CN Công ty CP Tập đoàn Nam Cường</i>	<i>3.994.640.758</i>	<i>3.994.640.758</i>
<i>Tiền vật tư theo hợp đồng</i>	<i>1.918.111.433</i>	<i>1.778.487.656</i>
<i>Lãi vay cá nhân phải trả</i>	<i>4.271.480.424</i>	<i>1.655.009.698</i>
<i>Công ty TNHH Liên Hiệp Thành</i>	<i>5.000.000.000</i>	<i>-</i>
<i>Các khoản phải trả, phải nộp khác</i>	<i>5.781.120.492</i>	<i>6.078.875.107</i>
<b>Tổng</b>	<b>51.746.037.811</b>	<b>43.199.661.254</b>

**5.17 Phải trả dài hạn khác**

	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.451.023.906	1.451.023.906
<b>Tổng</b>	<b>1.451.023.906</b>	<b>1.451.023.906</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG SÔNG ĐÀ**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN/HN

**5.18 Vay và nợ dài hạn**

	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Vay dài hạn</b>	<b>9.175.462.173</b>	<b>16.839.370.159</b>
- Ngân hàng TMCP Công thương	9.175.462.173	16.201.770.159
- Chi nhánh Thanh Xuân		
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	-	637.600.000
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>4.083.520.000</b>	<b>-</b>
Thuê tài chính	4.083.520.000	-
<b>Tổng</b>	<b>13.258.982.173</b>	<b>16.839.370.159</b>

**Trong đó:**

Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công thương VN - Chi nhánh Thanh Xuân gồm các hợp đồng vay:

Hợp đồng số 01/2009/HĐTD-TH/HTSĐ ngày 21/12/2009, số tiền 16 tỷ đồng. Mục đích sử dụng tiền vay: đầu tư máy móc thi công công trình, thời hạn vay: 3 năm, lãi suất: 12%/ năm. Đảm bảo tiền vay: Toàn bộ máy móc thiết bị theo Hợp đồng số TWVN103/SICO ngày 05/11/2009 và Hợp đồng số TWVN/SA/SICO/00714/1109/JT ngày 5/11/2009.

Hợp đồng số 01/2010/HĐTD-TH/HTSĐ ngày 20/01/2010, số tiền 14,5 tỷ đồng. Mục đích sử dụng tiền vay: Đầu tư Dự án Khu công nghiệp Yên Phong II. Thời hạn vay: 3 năm, lãi suất: 12%/ năm. Tài sản đảm bảo là toàn bộ dự án xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Yên Phong II và toàn bộ các quyền phát sinh liên quan đến tài sản nói trên.

Hợp đồng số 2010/HĐTD/HTSĐ/GG ngày 29/3/2010 số tiền 4,8 tỷ đồng. Mục đích: Đầu tư nâng cao năng lực thiết bị xe máy phục vụ thi công xây dựng dân dụng. Thời hạn vay: 3 năm, lãi suất: 14,5%/ năm. Đảm bảo tiền vay: Máy móc thiết bị thuộc dự án do bên A tham gia cho vay, TSĐB bổ sung là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất thuộc dự án Yên Phong II- Bắc Ninh.

Hợp đồng số 2010/HĐTD/HTSĐ/KCN ngày 14/6/2010, số tiền 12,7 tỷ đồng. Mục đích: Đầu tư nâng cao năng lực thiết bị xe máy phục vụ thi công xây dựng dân dụng và công nghiệp. Thời hạn vay: 3 năm, lãi suất: 13,5%/ năm tại thời điểm ký HĐ. Đảm bảo tiền vay: Máy móc thiết bị thuộc dự án, TSĐB bổ sung là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất thuộc dự án Yên Phong II- Bắc Ninh.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG SÔNG ĐÀ**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09- DN/HN

**5.19 Vốn chủ sở hữu****a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu***Đơn vị tính: VND*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
<b>Số dư tại 01/01/2011</b>	<b>209.500.000.000</b>	<b>12.126.085.147</b>	<b>(10.351.583.945)</b>	<b>9.248.924.010</b>	<b>3.377.447.735</b>	<b>33.040.506.575</b>	<b>256.941.379.522</b>
<b>Tăng trong năm</b>	-	-	<b>(15.925.733.885)</b>	<b>3.109.260.621</b>	<b>1.878.142.702</b>	-	<b>(10.938.330.562)</b>
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	3.109.260.621	1.878.142.702	-	4.987.403.323
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(15.925.733.885)	-	-	-	(15.925.733.885)
<b>Giảm trong năm</b>	-	<b>11.307.251.897</b>	<b>(18.751.442.432)</b>	-	-	<b>37.714.592.619</b>	<b>30.270.402.084</b>
Chia trả cổ tức	-	-	-	-	-	26.656.500.000	26.656.500.000
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	9.395.873.120	9.395.873.120
Thù lao HĐQT và BKS	-	-	-	-	-	442.632.000	442.632.000
Bán cổ phiếu quỹ	-	11.307.251.897	(18.751.442.432)	-	-	-	(7.444.190.535)
Lỗi	-	-	-	-	-	1.219.587.499	1.219.587.499
<b>Số dư tại 31/12/2011</b>	<b>209.500.000.000</b>	<b>818.833.250</b>	<b>(7.525.875.398)</b>	<b>12.358.184.631</b>	<b>5.255.590.437</b>	<b>(4.674.086.044)</b>	<b>215.732.646.876</b>
<b>Số dư tại 01/01/2012</b>	<b>209.500.000.000</b>	<b>818.833.250</b>	<b>(7.525.875.398)</b>	<b>12.358.184.631</b>	<b>5.255.590.437</b>	<b>(4.674.086.044)</b>	<b>215.732.646.876</b>
<b>Tăng trong năm</b>	-	-	-	<b>74.075.324</b>	<b>46.297.044</b>	-	<b>120.372.368</b>
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	74.075.324	46.297.044	-	120.372.368
<b>Giảm trong năm</b>	-	-	-	-	-	<b>69.807.463.393</b>	<b>69.807.463.393</b>
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	998.738.021	998.738.021
Thù lao HĐQT và BKS	-	-	-	-	-	390.000.000	390.000.000
Lỗi	-	-	-	-	-	68.418.725.372	68.418.725.372
<b>Số dư tại 31/12/2012</b>	<b>209.500.000.000</b>	<b>818.833.250</b>	<b>(7.525.875.398)</b>	<b>12.432.259.955</b>	<b>5.301.887.481</b>	<b>(74.481.549.437)</b>	<b>146.045.555.851</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG SÔNG ĐÀ**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09- DN/HN

**5.19 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)****b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	<b>30/06/2011</b>	<b>01/01/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Vốn góp của Nhà nước	-	-
Vốn góp của cổ đông khác	209.500.000.000	209.500.000.000
<b>Tổng</b>	<b>209.500.000.000</b>	<b>209.500.000.000</b>

**c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<b>Năm 2012</b>	<b>Năm 2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp tại đầu năm	209.500.000.000	209.500.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	209.500.000.000	209.500.000.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**d. Cổ phiếu**

	<b>31/12/2012</b>	<b>1/1/2012</b>
	<b>Cổ phiếu</b>	<b>Cổ phiếu</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	<b>20.950.000</b>	<b>20.950.000</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	<b>20.950.000</b>	<b>20.950.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	20.950.000	20.950.000
<b>Số lượng cổ phiếu được mua lại</b>	<b>410.500</b>	<b>410.500</b>
Cổ phiếu phổ thông	410.500	410.500
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>20.539.500</b>	<b>20.539.500</b>
Cổ phiếu phổ thông	20.539.500	20.539.500
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

**5.20 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<b>Năm 2012</b>	<b>Năm 2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Doanh thu hợp đồng xây dựng	108.642.788.374	161.342.461.525
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	192.096.700.565	285.781.564.604
Doanh thu cung cấp dịch vụ	8.299.909.510	4.902.788.088
<b>Tổng</b>	<b>309.039.398.449</b>	<b>452.026.814.217</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>2.360.000</b>	<b>6.698.579.583</b>
Giảm giá hàng bán	2.360.000	591.556.128
Hàng bán bị trả lại	-	6.107.023.455
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>309.037.038.449</b>	<b>445.328.234.634</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG SÔNG ĐÀ**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09- DN/HN

**5.21 Giá vốn hàng bán**

	<b>Năm 2012</b>	<b>Năm 2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Giá vốn hoạt động xây lắp	97.080.812.564	110.459.912.063
Giá vốn bán hàng hóa, thành phẩm	188.990.726.400	279.331.101.090
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	4.556.614.278	1.904.325.940
<b>Tổng</b>	<b>290.628.153.242</b>	<b>391.695.339.093</b>

**5.22 Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>Năm 2012</b>	<b>Năm 2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.911.331.565	2.590.127.453
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	247.500.000
<b>Tổng</b>	<b>4.911.331.565</b>	<b>2.837.627.453</b>

**5.23 Chi phí tài chính**

	<b>Năm 2012</b>	<b>Năm 2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền vay	26.653.535.833	25.512.006.291
Chi phí hoạt động tài chính khác	229.225.589	48.545.258
<b>Tổng</b>	<b>26.882.761.422</b>	<b>25.560.551.549</b>

**5.24 Lợi nhuận khác**

	<b>Năm 2012</b>	<b>Năm 2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Thu nhập khác</b>		
Thanh lý tài sản	24.327.272.725	-
Chênh lệch đánh giá tài sản khi góp vốn	4.532.417.434	-
Bán vật tư	1.497.758.410	-
Thu nhập khác	402.556.081	3.507.917.171
<b>Tổng</b>	<b>30.760.004.650</b>	<b>3.507.917.171</b>
<b>Chi phí khác</b>		
Giá trị còn lại của tài sản	16.175.202.302	-
Chi phí bán vật tư	400.123.124	-
Chi phí khác	3.458.997.726	6.085.473.373
<b>Tổng</b>	<b>20.034.323.152</b>	<b>6.085.473.373</b>
<b>Thu nhập khác/chi phí khác (thuận)</b>	<b>10.725.681.498</b>	<b>(2.577.556.202)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG SÔNG ĐÀ**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09- DN/HN

**5.25 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
<b>Lợi nhuận/ (Lỗ) trước thuế</b>	<b>(67.805.684.479)</b>	<b>(401.953.843)</b>
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>		
Các khoản điều chỉnh tăng	590.480.525	1.828.513.819
<i>Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập chuyển nhượng BĐS</i>	11.584.816.493	247.500.000
Chuyển lỗ	2.525.623.491	-
Khoản lỗ không được khấu trừ	81.428.085.598	2.525.623.491
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>102.441.660</b>	<b>3.704.683.467</b>
Trong đó:		
- <i>Thu nhập chịu thuế từ HĐ chuyển nhượng BĐS</i>	<i>11.584.816.493</i>	-
Thuế suất Thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>2.921.814.539</b>	<b>666.414.367</b>
Thuế thu nhập theo thuế suất thông thường	25.610.416	926.170.867
Thuế thu nhập từ HĐ chuyển nhượng BĐS	2.896.204.123	-
Thuế TNDN được miễn giảm	-	(259.756.500)
<b>Thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tổng</b>	<b>2.921.814.539</b>	<b>666.414.367</b>

**5.26 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2012	Năm 2011
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)</b>	<b>(68.418.725.372)</b>	<b>(1.219.587.499)</b>
<b>Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)</b>	<b>(68.418.725.372)</b>	<b>(1.219.587.499)</b>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	20.539.500	20.220.669
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>(3.331)</b>	<b>(60)</b>

**5.27 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	78.848.944.886	85.644.811.028
Chi phí nhân công	25.329.380.052	49.020.799.884
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.783.786.335	12.632.790.598
Chi phí dự phòng	52.998.855.283	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	30.650.662.973	46.914.212.549
Chi phí khác bằng tiền	7.398.686.377	16.480.060.566
<b>Tổng</b>	<b>206.010.315.906</b>	<b>210.692.674.625</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG SÔNG ĐÀ**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09- DN/HN

**6. THÔNG TIN KHÁC****6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các giao dịch với nhân sự chủ chốt và cổ đông

<u>Bên liên quan</u>	<u>Tính chất giao dịch</u>	<u>Năm 2012</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2011</u> <u>VND</u>
Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	Thù lao	390.000.000	390.000.000

**6.2 Báo cáo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Công ty và các công ty con được chia thành hai lĩnh vực: Kinh doanh: Chủ yếu là kinh doanh xăng dầu và một số hàng hóa khác, hoàn toàn tập trung tại công ty Con là Công ty Cổ phần Sông Đà - Đồng Nai, Công ty TNHH Dịch vụ Đồng Khởi, hoạt động Xây lắp: Các công ty còn lại.

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	<u>Kinh doanh</u>	<u>Xây lắp</u>	<u>Tổng</u>
<b>TÀI SẢN</b>			
Tài sản cố định	14.139.777.667	105.885.811.419	120.025.589.086
Xây dựng cơ bản dở dang	11.154.690.673	24.136.288.548	35.290.979.221
Các khoản phải thu	48.838.523.113	210.963.401.615	259.801.924.728
Hàng tồn kho	4.363.968.802	111.194.154.336	115.558.123.138
Tài sản khác	10.438.434.971	69.905.666.245	80.344.101.216
<b>Tổng tài sản</b>	<b>88.935.395.226</b>	<b>522.085.322.163</b>	<b>611.020.717.389</b>
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>			
Các khoản phải trả	6.939.321.430	165.175.585.922	172.114.907.352
Phải trả tiền vay	71.855.726.358	106.899.294.917	178.755.021.275
Nợ phải trả không phân bổ			
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>78.795.047.788</b>	<b>272.074.880.839</b>	<b>350.869.928.627</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG SÔNG ĐÀ**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09- DN/HN

**6.2 Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)****Báo cáo kết quả bộ phận cho năm 2011 như sau:**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	Kinh doanh	Xây lắp	Tổng
<b>DOANH THU</b>			
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	285.781.564.604	159.546.670.030	445.328.234.634
Doanh thu thuần từ bán cho các bộ phận khác	-	-	-
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>285.781.564.604</b>	<b>159.546.670.030</b>	<b>445.328.234.634</b>
<b>KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
Kết quả kinh doanh bộ phận	(7.459.357.564)	6.797.332.470	(662.025.094)
Trừ: Chi phí không phân bổ			-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			(662.025.094)
Lợi nhuận từ các khoản đầu tư (doanh thu tài chính)			2.837.627.453
Chi phí tài chính (không phân bổ)			-
Thu nhập/ (lỗ) khác không liên quan đến HĐSXKD			(2.577.556.202)
Lợi nhuận kế toán trước thuế			(401.953.843)
Thuế thu nhập doanh nghiệp			(666.414.367)
<b>Lợi nhuận trong năm</b>			<b>(1.068.368.210)</b>

**Tài sản bộ phận và nợ bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	Kinh doanh	Xây lắp	Tổng
<b>TÀI SẢN</b>			
Tài sản cố định	13.489.664.933	98.726.896.297	112.216.561.230
Xây dựng cơ bản dở dang	-	26.417.434.752	26.417.434.752
Các khoản phải thu	5.068.181.426	233.629.672.388	238.697.853.814
Hàng tồn kho	937.114.830	146.755.393.944	147.692.508.774
Tài sản khác	4.064.229.508	30.203.710.137	34.267.939.645
<b>Tổng tài sản</b>	<b>23.559.190.697</b>	<b>535.733.107.518</b>	<b>559.292.298.215</b>
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>			
Các khoản phải trả	20.776.024.068	215.711.676.779	236.487.700.847
Phải trả tiền vay	28.508.461.534	106.852.125.950	135.360.587.484
Nợ phải trả không phân bổ			
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>49.284.485.602</b>	<b>322.563.802.729</b>	<b>371.848.288.331</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG SÔNG ĐÀ**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09- DN/HN

**6.2 Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)****Báo cáo kết quả bộ phận cho năm 2012 như sau:***Đơn vị tính: VND*

	<b>Kinh doanh</b>	<b>Xây lắp</b>	<b>Tổng</b>
<b>DOANH THU</b>			
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	165.159.727.314	143.877.311.135	309.037.038.449
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>165.159.727.314</b>	<b>143.877.311.135</b>	<b>309.037.038.449</b>
<b>KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
Kết quả kinh doanh bộ phận	(2.509.218.605)	(54.050.717.515)	(56.559.936.120)
Trừ: Chi phí không phân bổ			
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			(56.559.936.120)
Lợi nhuận từ các khoản đầu tư (doanh thu tài chính)	(9.533.055.879)	(12.438.373.978)	(21.971.429.857)
Chi phí tài chính (không phân bổ)			-
Thu nhập/ (lỗ) khác không liên quan đến HĐSXKD	15.902.549.112	(5.176.867.614)	10.725.681.498
Lợi nhuận kế toán trước thuế			(67.805.684.479)
Thuế thu nhập doanh nghiệp			(2.921.814.539)
<b>Lợi nhuận trong năm</b>			<b>(70.727.499.018)</b>

**6.3 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên các khía cạnh trọng yếu không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

**6.4 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.13 và số 5.18 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

**6.4 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)**

**Các loại công cụ tài chính**

<b>Tài sản tài chính</b>	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.986.462.799	12.479.335.999
Phải thu khách hàng và phải thu khác	184.792.108.340	229.802.856.202
Đầu tư ngắn hạn	2.885.369.247	2.975.355.397
Đầu tư dài hạn	9.790.385.561	3.889.625.000
<b>Tổng</b>	<b>203.454.325.947</b>	<b>249.147.172.598</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	135.360.587.484	178.755.021.275
Phải trả người bán và phải trả khác	151.464.252.909	113.421.975.841
Chi phí phải trả	12.035.357.425	6.162.055.268
<b>Tổng</b>	<b>298.860.197.818</b>	<b>298.339.052.384</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính hợp nhất Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính hợp nhất Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

*Quản lý rủi ro tỷ giá*

Công ty không có các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó Công ty không chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

*Quản lý rủi ro lãi suất*

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

**6.4 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)**

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

<b>31/12/2012</b>	<b>Dưới 1 năm VND</b>	<b>Từ 1- 5 năm VND</b>	<b>Tổng VND</b>
Các khoản vay	122.101.605.311	13.258.982.173	135.360.587.484
Phải trả người bán và phải trả khác	150.013.229.003	1.451.023.906	151.464.252.909
Chi phí phải trả	12.035.357.425	-	12.035.357.425
<b>01/01/2012</b>	<b>Dưới 1 năm VND</b>	<b>Từ 1- 5 năm VND</b>	<b>Tổng VND</b>
Các khoản vay	161.915.651.116	16.839.370.159	178.755.021.275
Phải trả người bán và phải trả khác	111.970.951.935	1.451.023.906	113.421.975.841
Chi phí phải trả	6.162.055.268	-	6.162.055.268

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

<b>31/12/2012</b>	<b>Dưới 1 năm VND</b>	<b>Từ 1- 5 năm VND</b>	<b>Tổng VND</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.986.462.799	-	5.986.462.799
Phải thu khách hàng và phải thu khác	184.706.108.340	86.000.000	184.792.108.340
Đầu tư ngắn hạn	2.885.369.247	-	2.885.369.247
Đầu tư dài hạn	-	9.790.385.561	9.790.385.561
<b>01/01/2012</b>	<b>Dưới 1 năm VND</b>	<b>Từ 1- 5 năm VND</b>	<b>Tổng VND</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.479.335.999	-	12.479.335.999
Phải thu khách hàng và phải thu khác	229.802.856.202	-	229.802.856.202
Đầu tư ngắn hạn	2.975.355.397	-	2.975.355.397
Đầu tư dài hạn	-	3.889.625.000	3.889.625.000



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG SÔNG ĐÀ**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

---

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09- DN/HN

**6.5 Số liệu so sánh**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán.

**Người lập**

**Kế toán trưởng**

*Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2013*

**Tổng Giám đốc**

**Nguyễn Thị Lan Hương**

**Chu Thị Ánh**

**Vũ Văn Bảy**